

Số: 20 /2023/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 25 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: <u> </u>
	Ngày: <u>06/10/2023</u>

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ

trợ, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này quy định cơ chế quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Các Bộ, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên BCĐ các Chương trình MTQG tỉnh;
- CVP, các PCVP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm CBTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Hồ Đại Dũng



QUY ĐỊNH

Cơ chế quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 20 /2023/QĐ-UBND ngày 25 / 09 /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cơ chế quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ theo từng dự án, phương án (sau đây gọi tắt là dự án) hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Các nội dung không quy định tại quy định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế, quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản quy định sửa đổi, bổ sung khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thời gian hỗ trợ thực hiện dự án: Là thời gian tính từ khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến thời điểm cơ quan chức năng nghiệm thu kết thúc dự án.

2. Chu kỳ sản xuất: Chu kỳ sản xuất là khoảng thời gian từ khi đưa nguyên vật liệu, cây, con giống,... vào sản xuất cho đến khi tạo ra thành phẩm.

3. Chủ đầu tư thực hiện dự án, quản lý vốn quay vòng là cơ quan, đơn vị

được cấp có thẩm quyền phân bổ, giao vốn để thực hiện hỗ trợ các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

4. Cộng đồng dân cư: Bao gồm cộng đồng người Việt Nam sinh sống trên cùng địa bàn thôn, làng, tổ dân phố, điểm dân cư tương tự và có cùng phong tục, tập quán.

5. Quay vòng vốn: Là việc sử dụng một phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ để tái đầu tư, mở rộng sản xuất sau mỗi chu kỳ sản xuất hoặc luân chuyển để hỗ trợ thực hiện dự án mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

6. Vốn quay vòng là vốn các hộ tham gia dự án nộp lại một phần vốn ngân sách nhà nước đã được nhận hỗ trợ để luân chuyển cho các hộ cùng tham gia dự án hoặc chuyển sang hỗ trợ thực hiện dự án mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

7. Tỷ lệ vốn quay vòng: Là tỷ lệ phần trăm (%) trong tổng mức hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước.

8. Thu hồi vốn quay vòng là việc thu hồi số vốn theo tỷ lệ vốn quay vòng để nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị quản lý vốn cấp huyện mở tại kho bạc nhà nước khi dự án kết thúc để sử dụng hỗ trợ thực hiện dự án mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Cộng đồng dân cư tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cử cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý, tổ chức quay vòng luân chuyển.

2. Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ trong thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ để luân chuyển trên địa bàn thực hiện dự án.

3. Việc thực hiện cơ chế quay vòng, luân chuyển phải đảm bảo nguyên tắc bảo toàn 100% vốn quay vòng; sử dụng hiệu quả nguồn vốn và không gây thất thoát ngân sách nhà nước.

4. Vốn quay vòng, luân chuyển trong cộng đồng chỉ được sử dụng để hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi để tái đầu tư hoặc phát triển mở rộng quy mô sản xuất.

5. Vốn sử dụng từ quỹ quay vòng (từ tài khoản tiền gửi của cơ quan quản lý nguồn vốn) hỗ trợ thực hiện dự án không được tính vào tổng kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng để tính tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Hình thức, tỷ lệ vốn quay vòng và thời gian thu hồi vốn quay vòng

1. Hình thức quay vòng: Bằng tiền (hoặc hiện vật).

Trường hợp quay vòng bằng hiện vật thì xác định trên giá trị quy đổi ra

tiền của hiện vật tại thời điểm thực hiện quay vòng, luân chuyển.

2. Tỷ lệ vốn quay vòng và thời gian thu hồi

a) Tỷ lệ vốn quay vòng:

- Dự án sản xuất thực hiện trên địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn: Tỷ lệ vốn quay vòng là 3% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng.

- Dự án sản xuất thực hiện trên địa bàn xã, thôn khó khăn: Tỷ lệ vốn quay vòng là 5% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng.

- Dự án sản xuất thực hiện trên địa bàn xã, thôn còn lại: Tỷ lệ vốn quay vòng là 8% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng.

b) Thời gian thu hồi vốn quay vòng: Theo chu kỳ sản xuất của từng dự án.

c) Tỷ lệ vốn quay vòng, thời gian thu hồi phải được thể hiện rõ trong quyết định phê duyệt dự án.

Điều 5. Trình tự quay vòng, luân chuyển vốn quay vòng

1. Khi kết thúc chu kỳ sản xuất, đại diện cộng đồng dân cư thực hiện thu hồi 100% số vốn quay vòng nhập vào quỹ quay vòng của cộng đồng để xem xét, hỗ trợ cho các hộ khác trong cùng dự án có nhu cầu sử dụng vốn quay vòng để tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất.

2. Hình thức luân chuyển, trình tự luân chuyển vốn hoặc tài sản quay vòng trong cộng đồng (nếu có) do người dân trong cộng đồng đề xuất và đồng thuận, phù hợp với tỷ lệ, thời gian thu hồi tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

Tiêu chí bình chọn người nhận tiền hoặc hiện vật hỗ trợ ở các vòng tiếp theo trong cộng đồng (nếu có) do người dân trong cộng đồng đề xuất và đồng thuận, ưu tiên các đối tượng khó khăn hơn như: các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù; đối tượng là nữ dân tộc thiểu số; đối tượng thuộc nhóm bị ảnh hưởng bởi thiên tai trên địa bàn.

3. Đối tượng thụ hưởng chính sách nếu tiếp tục có nhu cầu sử dụng vốn quay vòng để tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất (thực hiện chu kỳ sản xuất tiếp theo), thì nộp đơn đề nghị tiếp tục sử dụng vốn quay vòng đến đại diện cộng đồng để được cộng đồng xem xét, cho tiếp tục sử dụng vốn quay vòng.

Điều 6. Cơ chế xử lý rủi ro vốn quay vòng, luân chuyển trong cộng đồng

1. Đối với các dự án sản xuất trong quá trình triển khai thực hiện phải tạm dừng, hủy bỏ hoặc triển khai không có hiệu quả do các nguyên nhân khách quan (như: thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác) ảnh hưởng đến kết quả đầu ra của sản xuất theo kế hoạch, thì cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án xem xét, quyết định việc thu hẹp phạm vi, gia hạn thời gian thu hồi vốn hoặc tạm dừng dự án, hủy bỏ quay vòng và hủy bỏ thu hồi vốn quay vòng theo các phương án xử lý rủi ro.

2. Việc xác định mức độ thiệt hại do các nguyên nhân khách quan thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ vào mức độ thiệt hại, cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định xử lý rủi ro vốn quay vòng, luân chuyển trong cộng đồng như sau:

a) Mức thiệt hại dưới 30%: Thực hiện thu hồi 80% số kinh phí quay vòng theo dự án được phê duyệt.

b) Mức thiệt hại từ 30% đến dưới 50%: Thực hiện thu hồi 60% số kinh phí quay vòng theo dự án được phê duyệt.

c) Mức thiệt hại từ 50% đến dưới 70%: Thực hiện thu hồi 30% số kinh phí quay vòng theo dự án được phê duyệt.

d) Mức thiệt hại từ 70% trở lên: Quyết định dừng dự án, hủy bỏ thu hồi vốn quay vòng của dự án được phê duyệt.

Điều 7. Quản lý vốn quay vòng

1. Căn cứ tỷ lệ, thời gian thu hồi vốn quay vòng được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện phối hợp đại diện tổ nhóm cộng đồng dân cư để thu hồi vốn quay vòng.

Khi dự án kết thúc: Trong thời hạn 15 ngày, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện phối hợp với đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm thu nộp toàn bộ quỹ quay vòng cộng đồng của dự án vào tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng để luân chuyển vốn hỗ trợ thực hiện các dự án mới trên địa bàn.

Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện, định kỳ thông báo số dư của quỹ quay vòng đến ủy ban nhân dân các xã. Ủy ban nhân dân các xã niêm yết công khai tại trụ sở ủy ban xã, đồng thời thông báo để cộng đồng dân cư, các nhóm cộng đồng đăng ký dự án mới được tiếp cận, đăng ký tham gia thụ hưởng hỗ trợ theo quy định.

Khi cộng đồng dân cư thực hiện dự án mới trên địa bàn có nhu cầu sử dụng vốn từ quỹ quay vòng do cấp huyện quản lý, thì trong nội dung đề xuất dự án, ngoài việc đề nghị tổng mức hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước, thì còn được đề nghị bố trí hỗ trợ từ nguồn quỹ quay vòng luân chuyển để thực hiện dự án. Trình tự quay vòng, luân chuyển và cơ chế xử lý rủi ro thực hiện theo Điều 5 và Điều 6 Quy định này.

2. Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện và chủ đầu tư thực hiện dự án, quản lý vốn quay vòng có trách nhiệm mở sổ theo dõi riêng các khoản vốn quay vòng, luân chuyển.

3. Khi kết thúc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện và chủ đầu tư thực hiện dự án, quản lý vốn quay vòng tiến hành rà soát, tổ chức thu hồi vốn quay vòng tại các dự án để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 8. Quy trình theo dõi, kiểm tra, giám sát

1. Nội dung theo dõi, kiểm tra, giám sát

a) Theo dõi, kiểm tra sự phù hợp của quyết định hỗ trợ với nội dung Quy định này và các quy định có liên quan khác của pháp luật.

b) Theo dõi, kiểm tra việc chủ đầu tư tổ chức triển khai, tiến độ thực hiện hoạt động quản lý, tổ chức quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng dân cư của từng dự án trên địa bàn và chấp hành các quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán dự án.

2. Quy trình theo dõi, kiểm tra, giám sát

a) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan: Thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng dự án; số lượng ít nhất là 5 người, gồm đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, Thanh tra nhân dân, đại diện tổ chức chính trị - xã hội và đại diện người dân trên địa bàn; lập kế hoạch giám sát của cộng đồng đối với dự án hàng năm trên địa bàn xã. Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng thực hiện dự án về kế hoạch giám sát chậm nhất 45 ngày trước khi thực hiện giám sát; tổ chức giám sát, lập và gửi báo cáo giám sát và kiến nghị sau giám sát tới các tổ chức và cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị được giao vốn: Cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời tài liệu liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cho Ban giám sát đầu tư của cộng đồng; tạo điều kiện thuận lợi cho Ban giám sát đầu tư cộng đồng thực hiện việc giám sát theo quy định của pháp luật; tiếp thu ý kiến giám sát và tăng cường các biện pháp thực hiện dự án.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan

1. Các cơ quan chủ trì tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2025 chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Triển khai thực hiện quy định này và tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn quay vòng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

- Hướng dẫn việc xét duyệt, bình chọn người (hộ gia đình) được nhận tiền hoặc hiện vật hỗ trợ ở các vòng tiếp theo trong cộng đồng quy định tại khoản 2 Điều 5 quy định này.

- Theo dõi, tổng hợp báo cáo theo định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp, báo cáo, đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện cơ chế quay vòng, luân chuyển vốn hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị được giao vốn tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng có hiệu quả cơ chế quay vòng vốn ngân sách nhà nước thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; tiến hành kiểm tra, giám sát và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của pháp luật; chỉ đạo tổ chức thu hồi toàn bộ vốn quay vòng nộp ngân sách nhà nước khi kết thúc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn.

4. Cộng đồng dân cư được tham gia dự án thực hiện quản lý, tổ chức việc quay vòng luân chuyển vốn trong cộng đồng theo đúng quy định hiện hành; cử đại diện cộng đồng làm nhiệm vụ quản lý quỹ quay vòng, thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng; xây dựng tiêu chí bình chọn người nhận tiền hoặc hiện vật hỗ trợ ở các vòng tiếp theo trong cộng đồng (nếu có). Báo cáo kết quả thực hiện dự án theo định kỳ, hàng năm và khi kết thúc dự án, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về các cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu quốc gia để nghiên cứu giải quyết./.